

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nội vụ xây dựng đề án sắp xếp và cơ chế quản lý đối với các viện, các trường và các đơn vị sự nghiệp khác thuộc Bộ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định trước ngày 30 tháng 6 năm 2004. Trong khi Thủ tướng Chính phủ chưa có quyết định mới, các đơn vị sự nghiệp hiện có thuộc Bộ hoạt động theo quy định hiện hành.

#### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Nghị định này thay thế Nghị định số 73/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Bãi bỏ Điều 4 Nghị định số 13/CP ngày 02 tháng 3 năm 1993 của Chính phủ ban hành Bản quy định về công tác khuyến nông, Điều 4 Nghị định số 39/CP ngày 18 tháng 5 năm 1994 của Chính phủ về hệ thống tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn của kiểm lâm, các Quyết định số 346/TTg, 347/TTg, 348/TTg, 349/TTg, 350/TTg, 352/TTg, 353/TTg, 354/TTg và 355/TTg ngày 28 tháng 5 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các cục thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quy định trước đây trái với Nghị định này.

#### **Điều 5. Trách nhiệm thi hành**

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ  
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

## **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**QUYẾT ĐỊNH** của Thủ tướng Chính phủ số 148/2003/QĐ-TTg ngày 17/7/2003 về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ quốc gia (nhiệm kỳ từ năm 2003 đến năm 2008).

### **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Quyết định số 1077/1997/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ quốc gia;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Chủ tịch Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ quốc gia,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ quốc gia (nhiệm kỳ từ năm 2003 đến năm 2008) ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 1078/1997/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ quốc gia.

**Điều 3.** Chủ tịch và các thành viên Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ quốc gia, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ

trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHÁI

## **QUY CHẾ TỔ chức và hoạt động của Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ quốc gia (nhiệm kỳ từ năm 2003 đến năm 2008)**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 148/2003/QĐ-TTg ngày 17/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ).*

### *Chương I*

#### **CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG CHÍNH SÁCH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

**Điều 1.** Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ quốc gia là cơ quan tư vấn của Thủ tướng Chính phủ về những vấn đề quan trọng đến phát triển khoa học và công nghệ.

**Điều 2.** Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ quốc gia (sau đây gọi tắt là Hội đồng) có nhiệm vụ góp ý kiến với Thủ tướng Chính phủ trước khi quyết định về:

1. Phương hướng, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ, các lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên từng thời kỳ.

2. Các chính sách lớn thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ.

3. Các dự án văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về khoa học và công nghệ.

4. Các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch khoa học và công nghệ 5 năm, hàng năm.

5. Các chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước.

6. Các vấn đề về khoa học, công nghệ liên quan tới các dự án lớn về kinh tế - xã hội.

7. Các vấn đề quan trọng khác về khoa học và công nghệ do Thủ tướng Chính phủ yêu cầu.

8. Các vấn đề về khoa học và công nghệ mà Hội đồng thấy cần thiết có kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ.

#### **Điều 3.** Tổ chức và thành phần của Hội đồng

1. Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ quốc gia gồm Chủ tịch, 2 Phó chủ tịch và các thành viên theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Việc bổ nhiệm, thay đổi thành viên Hội đồng do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

#### **Điều 4.** Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên Hội đồng

1. Chủ tịch Hội đồng:

a) Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về hoạt động của Hội đồng.

b) Lãnh đạo Hội đồng hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 1, Điều 2 Chương I của Quy chế này.

c) Chỉ đạo chuẩn bị nội dung các vấn đề đưa ra thảo luận ở Hội đồng.

d) Triệu tập và chủ trì các phiên họp của Hội đồng.

đ) Phân công nhiệm vụ cho các ủy viên Hội đồng.

e) Xử lý các đề xuất, kiến nghị của các ủy viên Hội đồng.

## 2. Phó chủ tịch Hội đồng:

a) Giúp Chủ tịch Hội đồng trong việc lãnh đạo công tác chung của Hội đồng và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng về phần công tác được phân công phụ trách.

b) Thay mặt Chủ tịch Hội đồng điều hành và giải quyết công việc của Hội đồng thuộc quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng khi Chủ tịch Hội đồng vắng mặt.

## 3. Các ủy viên Hội đồng:

a) Tham gia đầy đủ các kỳ họp của Hội đồng.

b) Đóng góp ý kiến về những vấn đề đưa ra thảo luận trong các kỳ họp Hội đồng hoặc góp ý kiến vào các văn bản do Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng gửi đến.

c) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng về nội dung, kết quả các nhiệm vụ được phân công, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể được Chủ tịch Hội đồng giao.

d) Giữ gìn tài liệu và số liệu mật theo quy định chung của Nhà nước và của Hội đồng.

d) Chủ động đề xuất những vấn đề cần điều chỉnh về cơ chế, chính sách đối với hoạt động khoa học công nghệ.

e) Được cung cấp đầy đủ những thông tin cần thiết về vấn đề kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ của quốc gia và được tìm hiểu những tài liệu, số liệu có liên quan tới nội dung các kỳ họp Hội đồng.

g) Được bảo đảm các điều kiện làm việc cần thiết theo chế độ quy định hiện hành để thực hiện nhiệm vụ quy định ở Điều 1, Điều 2 Chương I của Quy chế này.

## Điều 5. Tổ chức giúp việc Hội đồng

Hội đồng có Văn phòng giúp việc đặt tại Bộ Khoa học và Công nghệ. Văn phòng có một số biên chế chuyên trách làm việc và một số cán bộ

làm việc theo chế độ hợp đồng lao động. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể, biên chế của Văn phòng do Chủ tịch Hội đồng quyết định sau khi có sự thỏa thuận của Bộ Nội vụ và được Hội đồng thông qua.

## Chương II

### PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG VÀ QUAN HỆ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG CHÍNH SÁCH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

#### Điều 6. Những nguyên tắc chung

1. Các thành viên của Hội đồng hoạt động mang tính cá nhân nhà khoa học, không đại diện cho cơ quan hoặc tổ chức nơi mình làm việc.

2. Nhiệm kỳ công tác của Hội đồng là 5 năm.

3. Hội đồng họp thường kỳ 6 tháng một lần. Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng triệu tập các kỳ họp bất thường.

4. Kỳ họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng tham dự. Các ý kiến của Hội đồng chỉ được ghi thành nghị quyết khi có 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt tại kỳ họp đồng ý.

5. Khi cần thiết, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách công tác khoa học và công nghệ, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tham dự các kỳ họp của Hội đồng.

6. Tùy theo nội dung của kỳ họp, Chủ tịch Hội đồng có thể mời một số đại diện các cơ quan liên quan dự họp. Các đại diện này không tham gia biểu quyết các vấn đề của Hội đồng.

7. Tài liệu của các kỳ họp Hội đồng do Văn phòng Hội đồng chuyển đến các thành viên Hội đồng nghiên cứu trước khi họp chậm nhất là 02 tuần; đối với các kỳ họp bất thường, chậm nhất là 02 ngày trước khi họp.

**Điều 7. Phương thức hoạt động của Hội đồng**

1. Hội đồng làm việc theo phương thức thảo luận, góp ý kiến và biểu quyết. Ý kiến được quá nửa số thành viên Hội đồng có mặt tại kỳ họp đồng ý được coi là khuyến nghị chung của Hội đồng; đồng thời các ý kiến khác cũng phải được ghi nhận đầy đủ trong biên bản của kỳ họp Hội đồng.

2. Hội đồng có thể thành lập các tổ công tác theo lĩnh vực khoa học và công nghệ để thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể do Chủ tịch Hội đồng giao. Các tổ công tác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Các khuyến nghị và biên bản các kỳ họp của Hội đồng được chuyển đầy đủ đến Thủ tướng Chính phủ có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký của kỳ họp.

4. Văn phòng Hội đồng gửi tài liệu xin ý kiến các thành viên Hội đồng theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng.

**Điều 8. Quan hệ làm việc của Hội đồng**

1. Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ là cơ quan tư vấn của Thủ tướng Chính phủ, trong hoạt động của mình Hội đồng phối hợp chặt chẽ với Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan quản lý nhà nước khác về những vấn đề có tầm quốc gia liên quan đến lĩnh vực phát triển khoa học và công nghệ, đặc biệt tác động đến sự phát triển của nền kinh tế quốc dân.

2. Hội đồng có con dấu riêng và có tài khoản tại Kho bạc, Ngân hàng Nhà nước.

3. Kinh phí hoạt động của Hội đồng được ngân sách nhà nước cấp qua Bộ Khoa học và Công nghệ.

*Chương III***ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 9. Trách nhiệm thi hành**

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Chủ tịch Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ quốc

gia đề nghị, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

**Điều 10. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 1078/1997/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ quốc gia./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

**CÁC BỘ**

LIÊN BỘ

**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ -  
NỘI VỤ**

**THÔNG TƯ liên tịch số 15/2003/TTLT-BKHCN-BNV ngày 15/7/2003 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ ở địa phương.**

*Căn cứ Nghị định số 54/2003/NĐ-CP ngày 19*